LẦU XANH TÚ BÀ – CUNG TRẦM KHỐC LIỆT TRONG ĐỜI THÚY KIỀU

Nguyễn Hữu Sơn^{a*}

^aViện Văn học – Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Email: lavson59@yahoo.com

Lịch sử bài báo

Nhận ngày 06 tháng 12 năm 2020 | Chấp nhận đăng ngày 11 tháng 01 năm 2021

Xuất bản trực tuyến ngày 16 tháng 4 năm 2021

Tóm tắt

Vận dụng lý thuyết giới vào tìm hiểu đoạn đời nhân vật Thúy Kiều ở lầu xanh Tú Bà đặt trong tương quan toàn bộ cuộc đời Thúy Kiều nói chung. Tập trung phân tích những hồi tưởng, suy tư và dự cảm tình yêu trong sáng đối lập với tháng ngày bị đày đọa nơi lầu xanh Tú Bà. Xác định những cung bậc đời sống tinh thần, tâm trạng và các thể ứng xử tính dục đặt trong mối liên hệ với hoàn cảnh hiện thực, tình cảm, tâm lý và các giá trị nhân văn. Mở rộng bình luận, trao đổi với một số ý kiến của Nguyễn Bách Khoa, Hồ Đắc Duy, Phan Quế trong việc lý giải đặc điểm bản năng, lý tính, nhân tính và sự qui định của hoàn cảnh xã hội. Nhấn mạnh thực tế hành động và khả năng tự ý thức về hành vi tính dục càng cho thấy nhân cách, bản lĩnh, chiều sâu văn hóa cũng như thế giới tinh thần phong phú của nhân vật Thúy Kiều. Bài báo khảo sát, xác minh tính hiện thực và lý tưởng, nhận diện đặc tính đa tính cách của nhân vật Thúy Kiều từ thước đo bản năng và phẩm chất con người cá nhân, góp phần khẳng định tài năng sáng tạo nghệ thuật bậc thầy của đại thi hào Nguyễn Du.

Từ khóa: Bản năng tính dục; Lầu xanh Tú Bà; Nguyễn Du; Thúy Kiều; Truyện Kiều.

DOI: [http://dx.doi.org/10.37569/DalatUniversity.11.2.806\(2021\)](http://dx.doi.org/10.37569/DalatUniversity.11.2.806(2021))

Loại bài báo: Bài báo nghiên cứu gốc có bình duyệt

Bản quyền © 2021 (Các) Tác giả.

Cấp phép: Bài báo này được cấp phép theo CC BY-NC 4.0

BROTHEL OF TU BA – THE INTENSE PERIOD OF THUY KIEU’S LIFE

Nguyen Huu Son^{a*}

^a*The Institute of Literature – Vietnam Academy of Social sciences, Hanoi, Vietnam*

^{*}*Corresponding author: Email: lavson59@yahoo.com*

Article history

Received: December 6th, 2020 | Accepted: January 11th, 2021

Available online: April 16th, 2021

Abstract

We apply gender theory to understand the life of Thuy Kieu at the brothel of Tu Ba in relation to her entire life. We focus on analyzing memories, reflections, and pure love predictions in contrast to the days of exile at Tu Ba's brothel. We identify the levels of spiritual life, emotions, and sexual behaviors in relation to real situations, emotions, psychology, and human values. Expanding our comments, we discuss some opinions of Nguyen Bach Khoa, Ho Dac Duy, and Phan Que in explaining instinctive characteristics, humanity, and social conventions. The reality of action and the ability to self-sense about sexual acts shows the personality, bravery, and cultural depth as well as the rich spiritual world of Thuy Kieu. The article investigates, verifies the reality and the ideal, identifies the multi-personality characteristics of Thuy Kieu from the measure of instinct and individual human qualities, and contributes to affirm the creative talent of the great poet, Nguyen Du.

Keywords: Brothel of Tu Ba; Gender; Nguyen Du; Sexual instinct; *The Tale of Kieu*; Thuy Kieu.

DOI: [http://dx.doi.org/10.37569/DalatUniversity.11.2.806\(2021\)](http://dx.doi.org/10.37569/DalatUniversity.11.2.806(2021))

Article type: (peer-reviewed) Full-length research article

Copyright © 2021 The author(s).

Licensing: This article is licensed under a CC BY-NC 4.0

1. DẪN NHẬP

Trong *Truyện Kiều*, nhân vật chính Thúy Kiều chịu nhiều sóng gió hơn là bình yên, cay đắng hơn là ngọt ngào, chia ly hơn là đoàn tụ, vui dập hơn là nâng đỡ, oan nghiệt hơn là may mắn, thống khổ hơn là hạnh ngộ, bi thương hơn là hùng tráng, tự tìm đường nhiều hơn được dẫn đường, buồn hơn là vui, day dứt hơn là thanh thản, tiếc nuối hơn là thỏa nguyện... Nhìn lại các cuộc tình đi qua đời Thúy Kiều, dù thanh cao hay tục lụy, chủ động hay thụ động, nhân văn hay bản năng, truyền thống hay hiện đại, trong trắng hay mưu lược, ngọt ngào hay đắng cay, tìm đường giải thoát hay chấp nhận tình thế, tinh thần hay thể xác, thực tại hay mơ tưởng quá khứ và tương lai, đều được Nguyễn Du diễn tả một cách sinh động (Hỗ, 2013). Ở đây xin tập trung vào đoạn cung trầm khốc liệt nhất, ô nhục nhất, tàn tệ nhất, bị thử thách, dồn đẩy nhiều nhất, vui dập cay đắng nhất, đậm chất thể xác nhất, kịch tính nhất, trực diện nhất, muốn quên đi nhất: Thúy Kiều ở lầu xanh Tú Bà (“Vào lầu xanh lần thứ nhất”, “Thúy Kiều rơi vào tay Tú Bà”, “Kiều rơi vào tay Mã Giám Sinh và Tú Bà”, “Thúy Kiều ở lầu Ngưng Bích”, “Nỗi thương thân”...)

2. NỘI DUNG

Thống kê trong *Truyện Kiều*, Thúy Kiều nhiều lần chạm đến câu chuyện tình yêu, hôn nhân và xác thịt theo nhiều hoàn cảnh, cung bậc khác nhau. Có thể kể, có khi đó là sự gặp gỡ ngẫu thơ, trong trắng tình đầu, còn gìn giữ, trì nén bản năng (*Thưa rằng: Đừng lấy làm chơi,/ Dễ cho thừa hết một lời đã nao!*) (D. Nguyễn, 2015¹), một đêm động phòng cay đắng “mưa gió nặng nề” (*Giọt riêng tâm tã tuôn mưa,/ Phấn căm nổi khách phần dơ nổi mình*), những tháng ngày tủ nhục vui thân nơi lầu xanh Tú Bà (*Dấu sao bình đã vỡ rồi,/ Lấy thân mà trả nợ đời cho xong*), mối tình nửa vời yên ấm với Thúc Sinh (*Bình Khang nắn ná bấy lâu,/ Yêu hoa yêu được một màu điểm trang./... Hương càng đượm lửa càng nồng,/ Càng sôi vẻ ngọc càng nồng màu sen*), những tháng ngày cúi đầu cam phận nơi lầu xanh Bạc Bà (*Biết thân chạy chẳng khỏi trời,/ Cũng liều mặt phấn cho rồi ngày xanh*), thời gian mãn nguyện với người anh hùng Từ Hải “Nửa năm hương lửa đương nồng” (*Vinh hoa bõ lúc phong trần,/ Chữ tình ngày lại thêm xuân một ngày*), rồi một đêm phủ phàng rút bóng quy phục quan trên Hồ Tôn Hiến (*Hạ công chén đã quá say,/ Hồ công đến lúc rạng ngày nhớ ra*), cho đến đêm động phòng đại đoàn viên gương ép, đầy ắp tâm tư “Bâng khuâng duyên mới ngậm ngùi tình xưa” (*Tình nhân lại gặp tình nhân,/ Hoa xưa ong cũ mấy phen chung tình./... Tình xưa lai láng khôn hàn*)...

Nguyễn Bách Khoa (Trương Tửu) từng cho rằng Thúy Kiều yêu sớm là do bị chứng bệnh ủy hoàng (chlorose) và ưu uất (Hystérie) nhưng lại nghiêm túc đề xuất hướng nghiên cứu: “Cái chữ trinh của nàng Kiều cũng cần phải đem phân tách kỹ ra xem nó có bao nhiêu khía!” và khá cực đoan khi quy kết: “Trong sự nhớ đến Kim Trọng lần đầu này của Kiều, không có gì là yêu Kim Trọng, chung thủy với Kim Trọng cả. Nàng chỉ yêu thân nàng, chung thủy với căn tính dâm đẳng nàng thôi” (Nguyễn, 1942, tr. 268-271).

---

¹ Các trích dẫn *Truyện Kiều* sau đây đều theo sách này.

Như một sự tương hợp, bù trừ, ngay khi đã quyết bán mình và dự cảm thất thân với Mã Giám Sinh, Thúy Kiều hoài niệm về Kim Trọng và ân hận, tiếc nuối muộn màng về sự giữ gìn, tỏ bày sự phản tư, phản tỉnh chuyện sex (ái ân, thân xác, hợp giao) trước người yêu và quan niệm ngàn đời:

*Ngập ngừng then lức e hồng,
Nghĩ lòng lại xót xa lòng đòi phen.
Phẩm tiên rơi đến tay hèn,
Hoài công nấng giữ mưa gìn với ai.
Biết thân đến bước lạc loài,
Nhị đào thà bẻ cho người tình chung.
Vì ai ngăn đón gió đông,
Thiệt lòng khi ở đau lòng khi đi.*

Rồi chuyện gì phải đến đã đến. Lời thơ đầy thương cảm, đắng cay, xót xa trước hiện thực trần trụi, không thể đổi thay, chẳng thể làm ngơ và cũng chẳng muốn bàn luận tới cùng:

*Tiếc thay một đóa trà mi,
Con ong đã tỏ đường đi lối về.
Một cơn mưa gió nặng nề,
Thương gì đến ngọc tiếc gì đến hương.
Đêm xuân một giấc mơ màng,
Đuốc hoa để đó, mặc nàng nằm trơ.*

Về phía Thúy Kiều, đêm động phòng bất thường kia không thấy đâu hòa hợp, không say mê đắm đuối, chỉ có sự kiện, sự việc vô cảm, nặng nề, mơ màng, bàng hoàng, tủi hổ, cô đơn. Nàng cay đắng “*Phản cảm nổi khách phần dơ nổi mình*” và tự phần “*Cầm dao nàng đã toan bài quyên sinh*” nhưng rồi lại xét đoán sự vô lý của chính mình ngày vu quy, nỗi lo liên lụy cha mẹ và rồi thêm một lần tự an ủi, nuốt trôi hiểm họa tiết trinh trước sau rồi cũng phải đến: *Nổi mình âu cũng giãn dần,/ Kíp chầy thôi cũng một lần mà thôi...*

Qua gã chồng hờ, kẻ buôn người, tên lừa đảo, ma cô dặt gái Mã Giám Sinh, Thúy Kiều đến với lầu xanh Tú Bà bằng màn ra mắt bất ngờ, thụ động, lạ lùng, dòn dập, kịch tính, vừa thấy mình là người trong cuộc vừa như chứng kiến chuyện của một ai khác ngoài dự kiến, ngoài “tầm đón đợi”:

*Cởi xiêm lột áo số sàng,
Trước thân sẽ nguyện mảnh hương lăm rằm.*

*Đôi hoa lót xuống chiếu nằm,
Bướm ong bay lại ầm ầm tứ vi!*

Lần thứ nhất, Thúy Kiều lên tiếng thanh minh, khẳng định lẽ phải, sự thật, thừa nhận chuyện đã ăn nằm với Mã: *Đủ điều nạp thái vu qui, / Đã khi chung chạ lại khi đứng ngồi...* Trong suy lý Thúy Kiều, ngày hợp cần kia bất quá chỉ là một đêm “chung chạ”, đâu có thiết tha, càng đâu có biết y đã là chồng ai kia...

Với Tú Bà, mục chỉ có một căn tính, một lối sống, một mục đích, một nghề nghiệp “rước khách kiếm lời mà ăn” nên khi nghe Thúy Kiều thanh minh thì trước hết mục thóa mạ anh chồng bọm bãi và cũng trước hết để tâm vào chuyện mua bán, làm ăn, lời lãi:

*Tuồng vô nghĩa ở bất nhân,
Buồn mình trước đã tần mần thử chơi.
Màu hồ đã mất đi rồi,
Thôi thôi vốn liếng đi đời nhà ma.*

Tú Bà cũng chỉ khuôn theo một cách nghĩ, áp đặt một kiểu xử sự, một thước đo, một lối đánh giá, một chiều qui kết:

*Lão kia có giờ bài bầy,
Chẳng vắng vào mặt mà mảy lại nghe.
Cớ sao chịu tốt một bề,
Gái tơ mà đã ngựa nghè sớm sao!?
Phải làm cho biết phép tao!...*

Trên kia Tú Bà vừa đay nghiến, thóa mạ chồng thì bây giờ lại bao biện cho hành vi “bài bầy” của chồng, đánh quánh đổ lỗi về cho Thúy Kiều “lại nghe”, đặt ra câu hỏi ngang ngược “Cớ sao chịu tốt...”, thậm chí quy kết về đạo đức, bản tính “ngựa nghè sớm sao!”, quy án Thúy Kiều thành phạm nhân, tội đồ. Tú Bà một mực bao biện theo cái lý riêng của mình, - cái lý của bà chủ, kẻ quyền thế, hợm hĩnh và bị chạm nọc, - để rồi cho mình cái quyền ra uy răn đe, si nhục, trừng phạt, “*Người cầm quyền khôi phục uy quyền*” (nổi nóng tao - mảy): *Phải làm cho biết phép tao!...*

Rồi sau những hành động quyết liệt “quá tay” tự hại thân của Thúy Kiều², Tú Bà xuống nước, rồi mắc mưu gian Sớ Khanh, từ đó Thúy Kiều dần chấp nhận số phận trở trâu, nghiệt ngã:

Thân lươn bao quản lấm đầu,

---

² Theo lẽ thường, khi bị Tú Bà si nhục, hành hạ thì Thúy Kiều phải kháng cự, tự vệ, chống trả, nhưng ở đây nàng lại tự hại mình (!?)...

Chút lòng trinh bạch từ sau xin chừa!...

... Dấu sao bình đã vỡ rồi,

Lấy thân mà trả nợ đời cho xong!

Từ đây Thúy Kiều thực sự bước vào những tháng ngày khổ nhục, đọa đày. Sau những lời tự chinh huấn, tự thú, tự kiểm điểm, cải tạo, cam kết, hứa hẹn, Thúy Kiều được Tú Bà ngọt ngào lên lớp huấn thị, chỉ đạo, dẫn dụ học tập, đi từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, từ khái quát đến cụ thể, từ lý thuyết đến thực hành; có chỉ bảo đường tơ kẽ tóc, có định hướng xa gần, có phương pháp cụ thể, có kế hoạch bài bản, có chương trình lớp lang, có giáo trình tăng bậc, có xảo thuật, có khuyên nhủ ân cần, có thước đo kết quả, sắp xếp thứ bậc:

Nghề chơi cũng lắm công phu,

Làng chơi ta phải biết cho đủ điều³...

... Này con thuộc lấy làm lòng,

Vành ngoài bảy chữ, vành trong tám nghề.

Chơi cho liễu chán, hoa chê,

Cho lẩn lóc đá, cho mê mẩn đời.

Khi khóe hạnh, khi nét ngài,

Khi ngâm ngợi nguyệt khi cười cợt hoa.

Đều là nghề nghiệp trong nhà,

Đủ ngần ấy nét mới là người soi.

Đã hơn một lần chúng tôi đã có dịp giải thích việc Nguyễn Du không mô tả chi tiết sự kiện Tú Bà truyền dạy "bảy chữ tám nghề" cho nàng Kiều không chỉ bởi thi hào đã lược bỏ đi một cách đơn giản những đoạn miêu tả có tính chất tự nhiên chủ nghĩa và có hại đối với mỹ cảm của người đọc (Nguyễn, 1990, tr. 10). So sánh thì thấy đoạn này được Thanh Tâm Tài Nhân diễn tả trong *Kim Vân Kiều truyện* tới vài bốn trang với cả chiều sâu nghệ thuật sex, nghệ thuật tâm lý gắn liền với căn rễ cơ sở văn hoá đô thị và đời sống xã hội thị dân phát triển (H. Nguyễn, 2015). Đến *Truyện Kiều*, Nguyễn Du giản lược chỉ còn đoạn thơ thanh nhã, tóm lược đại ý, không còn đâu nội dung, chi tiết cụ thể. Trong *Từ điển Truyện Kiều*, Đào (1989) chú:

Bảy chữ: Theo nguyên truyện thì thuật tiếp khách ở lầu xanh có bảy chữ, tức là bảy cách: (1) Khóc với khách; (2) Cắt tóc đưa cho khách làm tin; (3) Thích tên khách vào cánh tay; (4) Đốt hương để thề nguyện; (5) Giả ước nguyện lấy nhau làm vợ chồng; (6) Rửa khách đi trốn; (7) Giả chết cho khách quên luyến... *Tám*

---

³ Thúy Kiều tiếp nhận bài học lý thuyết "đập diu": Nàng rằng: "Mưa gió đập diu,/ Liễu thân, thì cũng phải liễu thể thôi"...

nghề: Theo nguyên truyện thì tám nghề là tám mảnh khóc gái thanh lâu dùng để giữ khách lại, nhưng đều là thô bỉ nên không dẫn vào đây (tr. 40-41, 412).

Nhưng giải thích như thế thì người đọc cũng chưa rõ đầu vào đâu. Từ đây có hai vấn đề được đặt ra. Thứ nhất, nếu coi đây là sự thể hiện phẩm chất mỹ cảm cao của Nguyễn Du thì thực chất lại chính là bước lùi trên phương diện tư duy nghệ thuật. Bởi lẽ tấm màn lọc mỹ học phong kiến luôn có xu hướng hạn chế khả năng tái tạo hiện thực, phản ánh đời sống trần tục và sắc màu sex “thô bỉ”. Với những cố gắng mang tính thời đại, điều này đã thấy xuất hiện trong *Kim Vân Kiều truyện* nhưng phải chăng lại hoá thành quan phương, chuẩn mực, ước lệ hơn trong *Truyện Kiều*? Nguyễn Du là đại biểu một nền văn học lớn mà lại giản lược sex, lại trở nên “Nho hoá” hơn cả Thanh Tâm Tài Nhân? Thứ hai, bên cạnh hứng thú nghệ thuật thì chính sự chuyển đổi từ những trang văn xuôi vốn có điều kiện miêu tả chi tiết, cụ thể tới thể loại truyện thơ đã qui định sự giản lược của Nguyễn Du khi viết về “bảy chữ tám nghề”. Nếu xét trong cả hồi 10 với nội dung “Tú Bà dạy nghề” thì Nguyễn Du giản lược chỉ còn 70 câu thơ (câu 1149-1218) (Nguyễn, 1990, tr. 580-609)...

Về phía học viên Thúy Kiều buộc phải miễn cưỡng vâng lời mặc dù biết kẻ lên lớp dạy bảo mười mười là những điều nhơ nhuốc, giả dối, trái lòng mình, xa lạ, “lạc loài”:

*Gót đầu vâng dạy mấy lời,
Đường chau nét nguyệt đường phai vẽ hồng.
Những nghe nói đã thẹn thùng,
Nước đời lăm nổi lạ lòng khát khe!
Xót mình cửa các buồng khuê,
Vỡ lòng học lấy những nghề nghiệp hay!
Khéo là mặt dạn mày dày,
Kiếp người đã đến thế này thì thôi!*

Đi từ “*Gót đầu vâng dạy mấy lời*” cho đến “*Vỡ lòng học lấy những nghề nghiệp hay*” là Thúy Kiều đã chuyển hóa và tự chuyển hóa, đánh mất dần ý thức làm người, chấp nhận đổi thay, buông thả, sống trong ô nhục, sống theo quán tính, chìm trong hoan lạc:

*Biết bao bướm lả ong lơi,
Cuộc say đầy tháng, trận cười suốt đêm.
Dập dìu lá gió cành chim,
Sớm đưa Tống Ngọc, tối tìm Tràn Khanh.*

Trong cảnh đường cùng, đúng như thân phận một gái làng chơi, Thúy Kiều phải lang chạ với đủ mọi loại người, cũng nhập cuộc, cũng say triền miên, cũng bả lả vui cười, cũng lập lòe diu dặt, cũng ngập ngựa bản năng, cũng sớm tối đưa tìm khách cho quên thời gian, quên mọi niềm vui nỗi buồn – điều mà nhà nho tài tử Nguyễn Công Trứ một chiều

qui kết là “tà dâm”⁴. Bốn câu thơ mà đủ cả định lượng, số lượng, tần suất (*Biết bao, cuộc, trận, đầy tháng, suốt đêm, lá, cành, sớm, tối*), đủ cả định tính, cảm nhận tính chất, mức độ, nhịp độ, nhịp điệu (*lả, loi, say, cười, dập, dịu, dập dịu, đưa, tìm*). Sắc thái từ ngữ đan xen cả cách nói bình dân (hình ảnh, lối ví von, phong cách ca dao, thành ngữ) và ngữ liệu, điển chương, tích Tầu (Tống Ngọc, Tràng Khanh)⁵. Theo cách đọc “liên văn bản” ngay trong chữ nghĩa *Truyện Kiều* cũng thấy rõ sắc thái vật liệu, khí cụ nam nữ, biểu tượng sắc dục, nghĩa bóng thanh tục - tục thanh: Bướm⁶, Ong⁷, Chim⁸. Thời gian, không gian, sự kiện ở đây vón chặt, đông đặc những chuyện hành lạc, phong tình, trai gái lả loi... Đúng như Mác xác định: “Không phải ý thức con người quyết định sự tồn tại của họ; trái lại, chính sự tồn tại xã hội của họ quyết định ý thức của họ” (Mác & Ăng-ghe-n, 1993, tr. 15)...

Ở chốn lầu xanh, có những lúc Thúy Kiều bưng tỉnh, đối lập khi tỉnh với khi say, khi xưa với bây giờ, giật mình tự biết thương thân, ý thức về hoàn cảnh ê chề:

*Mặt sao dày gió dạn sương,
Thân sao bướm chán ong chường bấy thân?
Mặc người mưa Sở mây Tần,
Những mình nào biết có xuân là gì!*

Khác với nhiều người và cũng khác với những cuộc thác loạn triền miên, bây giờ là lúc Thúy Kiều thức tỉnh, tự soát xét lại thực trạng, tự so sánh, nhận diện lại xem thân mình đang là cái thân nào trong bao nhiêu cảnh ngộ kiếp thân? Và rồi Thúy Kiều gián cách xác định cái riêng, cái khác biệt, thanh cao, biến mình từ kẻ thụ động, bị áp đặt, dầy vô thành tâm thể chủ động “Mặc người...”. Xét trên tất cả các phương diện tình cảm, tình yêu, chức năng xã hội, thiên chức sinh học, bản năng tính dục, Thúy Kiều cho thấy mình như người đứng ngoài, buông bỏ, không chấp nhận, không đồng cảm, không thiết tha, không hô ứng, tận hưởng: *Mặc người mưa Sở mây Tần, / Những mình nào biết có xuân là gì!...*

⁴ Nguyễn Công Trứ (1778-1858): Đã biết má hồng thời phận bạc./ Trách Kiều nhi chưa ven tằm lòng vàng./ Chiếc quạt thoa đành phụ nghĩa Kim lang./ Nặng vì hiểu, nhẹ vì tình thời cũng phải./ Từ Mã Giám Sinh cho đến chàng Từ Hải./ Cánh hoa tàn đem bán lại chốn thanh lâu./ Bây giờ Kiều còn hiểu vào đâu./ Mà bướm chán ong chường cho đến thế?/ Bạc mệnh chẳng làm người tiết nghĩa./ Đoạn trường cho đáng kiếp tà dâm!/ Bán mình trong bấy nhiêu năm./ Đổ đem chữ hiếu mà làm được ai!/ Nghĩ đời mà ngán cho đời! (Vịnh Thúy Kiều).

⁵ Dẫn thơ Tiết Đào (768-831): Chi ngênh nam bắc điều./ Diệp tổng vắng lai phong (Cảnh đón chim nam bắc./ Lá đưa gió lại qua), chi người đa tình, phóng đảng.

⁶ Bướm, Ong: Bướm ong bay lại âm âm tứ vi... Biết bao bướm là ong loi... Thân sao bướm chán, ong chường bấy thân... Chàng như con bướm lượn vành mà chơi... (*Truyện Kiều*).

⁷ Ong, Bướm: Tường đông ong bướm đi về mặc ai... Con ong đã tò đường đi lối về... Sợ khi ong bướm dãi dăng... Bướm ong lại đặt những lời nọ kia... Hoa xưa ong cũ mấy phân chung tình... Ong qua bướm lại đã thừa xâu xa... (*Truyện Kiều*).

⁸ Chim: Cạn dòng lá thắm dứt đường chim xanh... Vườn hồng chi dăm ngăn rào chim xanh... Dập dịu lá gió cành chim... Làm chi bụng mắt bắt chim khó lòng... Chim lồng khôn lẽ cất mình bay cao... Bỏ chi cá chậu chim lồng mà chơi... Bóng chim tăm cá biết đâu mà nhìn... Bồng không cá nước chim trời nhớ nhau... (*Truyện Kiều*).

Khi đã tự ý thức và thấu hiểu thảm trạng giữa chốn lầu xanh, ngay cả khi tìm sự khuây khỏa trong “gió tựa hoa kè”, “nét vẽ câu thơ” và những cung cầm, cò quạt, trắng hoa, trước sau Thúy Kiều vẫn phân thân, hồ hững với sự tình, đau đáu nỗi niềm riêng:

*Vui là vui gương kéo mà,
Ai tri âm đó mặn mà với ai?
Thờ ơ gió trúc mưa mai,
Ngẩn ngơ trăm nỗi giùi mài một thân.*

Sự “vui gương” ở đây chỉ là tình thế nhẩn chịu trước những hiểm họa “kéo mà” có thể chụp xuống bất cứ lúc nào. Nỗi buồn, sự thiếu vắng và đằng sau đó chính là ước vọng, hy vọng, hoài vọng, khắc khoải đợi chờ “*Ai tri âm đó mặn mà với ai?*”. Hai câu thơ nối theo tiếp tục là nốt trầm khốc liệt về thân phận gái lầu xanh. Qua những “Vỡ lòng học lấy...”, những buông thả dập vùi “*bướm lả ong lơi*”, bây giờ Thúy Kiều có phần đạt đến độ già giơ, chịu đựng, chịu trận, trơ lý cảm xúc: *Thờ ơ gió trúc mưa mai, / Ngẩn ngơ trăm nỗi giùi mài một thân...* Sách Hội Kiều học chỉ chú câu trên: “*Thờ ơ gió trúc mưa mai*: có hai cách hiểu: 1) Gió thổi khóm trúc, mưa trên mai là cảnh đẹp mà Kiều vẫn thờ ơ. 2) Kiều thờ ơ cả việc “gió mưa”, tức ái ân với khách và việc tìm người chấp mối “trúc mai” theo bảy chữ vành ngoài mà Tú Bà hướng dẫn” (D. Nguyễn, 2015, tr. 191) (Theo tôi, chấp mối “trúc mai” chỉ về tình duyên đẹp nhưng “gió trúc mưa mai” lại biểu cảm nghĩa tiêu cực, dung tục); trong khi Mai Quốc Liên chỉ chú câu sau: “*Dùi mài một thân*: thui thui một mình (theo Nguyễn Quảng Tuân); *dùi mài*: đau khổ như bị dùi, bị mài (Đào, 1989). Chúng tôi thiên về cách chú của Nguyễn Quảng Tuân, vì theo ngữ cảnh hợp nghĩa hơn” (Nguyễn, 2018, tr. 129) (Theo tôi, cần chú ý tính đăng đối của hai câu thơ. Nhấn mạnh nét nghĩa thanh tục tục thanh, trăm mối “dùi mài” ở một thân này. Hoàn toàn có thể hiểu “dùi mài” một cách đa nghĩa, cả nghĩa đen, nghĩa bóng). Phan (2008) từng có ý kiến:

Người đẹp Thuý Kiều lúc này đang một thân dùi mài cái phẩm hạnh báo hiếu của mình. Nàng đã tự nguyện hy sinh tiết hạnh để cho phần phẩm hạnh của con người được đề cao. Phải chăng đây là sự “dùi mài” của một tâm trí, biết nghiền ngẫm mà chịu đựng cho cái nghĩa làm con được thành chính quả. Nếu hiểu theo nghĩa là từ “dùi mài” chỉ dành riêng cho chuyện kinh sử e rằng chưa thật đầy đủ lắm. Phải hiểu từ “dùi mài” ở đây theo nghĩa rộng của sự kiên nhẫn, bền bỉ chịu đựng của con người trước các biến cố. Vào lầu xanh là chấp nhận cảnh ê chề, là bằng lòng với sự đầy đoạ của kiếp gái bán hoa!...

Vượt qua nỗi ê chề thể xác, Nguyễn Du thấp sáng tâm hồn Thúy Kiều với “*Nỗi lòng đòi đoạn xa gần*”, nỗi lòng nhớ cha mẹ, nhớ mối tình đầu đời, nhớ ân nghĩa em gái, đối lập với thực tại “*sĩ nhục*”:

*Đã cho lấy chữ hồng nhan,
Làm cho, cho hại, cho tàn, cho cân!
Đã dầy vào kiếp phong trần,
Sao cho sĩ nhục một lần mới thôi!*

Thúc Sinh đến với Thúy Kiều xuất phát từ vị thế kẻ phong lưu, phóng đãng, chơi bời và cuộc tình một phía, trước hết thấy Thúy Kiều là “Hải đường”, “cành tơ”, ngày một si mê, đắm đuối “Ngày xuân càng gió càng mưa càng nồng”, “Một dây một buộc...”, “Sớm đào, tối mạn...”, “Trước còn trắng gió...”, lại thêm mắc hợm đường mật Tú Bà “Mụ càng tô lục chuốt hồng” mà thêm mê một “một tình mười mê”, “Miệt mài trong cuộc truy hoan”... Về phía Thúy Kiều, nàng đã trải nghiệm, đủ kinh nghiệm để hiểu cái anh chàng “Trăm nghìn đồ một trận cười...”, kể cả sau khi Thúc Sinh được chiêm ngưỡng “một tòa thiên nhiên” và trở tài tặng thơ thì người đẹp vẫn lửng lơ “Họa vắn xin hãy chịu chàng...”, rồi tỉnh táo lên lớp phân tích, đo đếm trước sau, cảnh tỉnh, cảnh báo, kéo chàng Thúc nông nổi mộng mơ trở về thực tại:

*Thiếp như hoa đã lìa cành,
Chàng như con bướm lượn vành mà chơi.
Thúy Kiều xác nhận thân phận gái lầu xanh của mình:
Bình Khang nắn ná bấy lâu,
Yêu hoa yêu được một màu điểm trang.
... Sá chi liễu ngõ hoa tường,
Lầu xanh lại bỏ ra phường lầu xanh.*

Cũng vẫn là đồng tiền nhưng bây giờ tiền đã giải thoát, cứu vớt Thúy Kiều qua bể trầm luân:

*Rõ ràng của dân tay trao,
Hoàn lương một thiếp thân vào cửa công⁹.*

Về sau này, đoạn đời Thúy Kiều nơi lầu xanh Tú Bà trong mắt viên lại họ Đô chỉ là chuyện “mua người”, “Phong trần chịu đã ê chề”, còn với Kim Trọng thì trước sau như nhất gắn bó, cảm thông, cảm phục, nâng niu, trân trọng, bỏ qua tất cả, thậm chí tôn vinh, cộng điểm:

*Xưa nay trong đạo đàn bà,
Chữ trinh kia cũng có ba bảy đường.
Có khi biến có khi thường,
Có quyền nào phải một đường chấp kinh.
Như nàng lấy hiếu làm trinh,
Bụi nào cho đục được mình ấy vay?*

---

⁹ Mới hay đương thời chế độ phong kiến, chuyện lầu xanh (nhà thổ, cô đầu, phố đèn đỏ) đã được pháp luật nhà nước đảm bảo, cho tồn tại công khai, minh bạch...

*... Hoa tàn mà lại thêm tươi,
Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa.*

Với bản thân Thúy Kiều, bằng nỗi đau trải đời, nghiệm sinh trong ê chề ô nhục, nàng còn nhớ, còn đau, còn nhiều mặc cảm, chưa thể quên, không dễ quên và không thể quên. Một mặt, Thúy Kiều thừa nhận bản tính chung của tình vợ chồng, sắc giới, tính dục:

*Nàng rằng: “Gia thất duyên hài,
Chút lòng ân ái ai ai cũng lòng”...*

Mặt khác, lại tự kiểm điểm, chân tình nhận lỗi và nói quá về khuyết điểm phẩm chất, tiết hạnh, chữ trinh theo theo nguyên tắc đạo lý Nho giáo:

*Chữ trinh đáng giá nghìn vàng,
Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa.
Thiếp từ ngô biển đến giờ,
Ong qua bướm lại đã thừa xấu xa.
Bầy chầy gió tấp mưa sa,
Mấy trăng cũng khuyết mấy hoa cũng tàn.
Còn chi là cái hồng nhan,
Đã xong thân thế còn toan nổi nào?*

Cung trầm đoạn đời Thúy Kiều khi ở lầu xanh Tú Bà khóc liệt, ê chề, cay đắng bao nhiêu thì đến ngày đoàn viên càng trở nên bi hài, trớ trêu, tủi hổ, xa xót bấy nhiêu trước thảng năm quá khứ: “Thiếp từ ngô biển”, “Ong qua bướm lại đã thừa xấu xa”, “gió tấp mưa sa”, “trăng khuyết”, “hoa tàn”, “Nghĩ mình chẳng hổ mình sao”, “Trông hoa đèn chẳng thẹn mình lắm ru”, “Đã buồn cả ruột lại dơ cả đời”; cho đến cái đêm “Động phòng điu dặt”, “Hoa xưa ong cũ” thì Thúy Kiều thêm một lần chủ động nói lời tạ từ, muốn chôn vùi quá khứ “hổ thẹn trăm chiều”, “cái mình bỏ đi”... Có thể nói ký ức những ngày ở lầu xanh Tú Bà đã thành một trang đen tối, vết thương lòng mà Thúy Kiều muốn chôn vùi đi, nhất là với Kim Trọng. Cũng như buổi tình đầu ngây thơ trong trắng: “*Đừng điều nguyệt nọ hoa kia,/ Ngoài ra ai lại tiếc gì với ai*”, trong một hoàn cảnh khác, bây giờ Thúy Kiều thêm một lần lặp lại: “*Những như âu yếm vành ngoài,/ Còn toan mở mặt với người cho qua*”... Với Thúy Kiều, có thể chấp nhận tất cả mọi hình thức “Động phòng điu dặt...”, “Hoa xưa ong cũ mấy phen chung tình”, “tay lại cầm tay”, “chén quỳnh giao hoan”, “Tình xưa lai láng”, “Khi chén rượu khi cuộc cờ”, “Phím đàn điu dặt”... nhưng riêng chuyện “Chút lòng ân ái”, “tình cảm sắt”, “kết tóc xe tơ”, “ân ái chan chan”, “khởi vành ái ân”, “trăng hoa”, “chăn gối”... thì xin thôi, không khơi lại, mãi mãi cho qua.

Nơi lầu xanh Tú Bà, một đoạn đời cung trầm khóc liệt Thúy Kiều thật phù hợp với đặc trưng quy luật tâm lý sáng tạo khởi nguồn trên tinh thần nhân bản như nhà nghiên cứu bậc thầy người Bungari, Naudóp đã khẳng định:

Nếu hạnh phúc có nghĩa là không có cảm xúc mãnh liệt và say mê kéo dài thì bất hạnh thường bao gồm các yếu tố của những trận bão lòng quá khứ hay mọi yếu tố có thể của những trận bão lòng tương lai đang cần được an ủi. Bất hạnh làm chấn động mạnh hơn, kéo dài lâu hơn, các biểu lộ của nó cũng nhiều vẻ hơn, cho nên xét theo quan điểm thuần túy con người, nó làm chúng ta phải chú ý nhiều hơn so với hạnh phúc. Nếu không kể những trường hợp hiếm hoi của sáng tạo trong trạng thái thỏa mãn thì thông thường đều là thứ tự thuật thơ ca nói về cuộc đời đau khổ, những tai họa, những ước vọng không bờ bến, những tổn thất không gì bù đắp được. Chính trong bất hạnh con người không muốn cảm thấy mình bị đơn độc, và cũng chính bất hạnh là cái có sức đẩy nên mạnh mẽ nhất mọi quan tâm và niềm thông cảm. Thế nên thơ ca thỏa mãn được nhu cầu đạo đức và có được sứ mệnh xã hội ngay cả khi nó không cố ý làm điều đó (Naudóp, 1978, tr. 226).

3. KẾT LUẬN

Kể từ những năm đầu thế kỷ XXI đến nay, nhiều vấn đề văn học giới, tính dục, sex đã được giới thiệu, nghiên cứu sâu rộng. Việc vận dụng lý thuyết giới vào tìm hiểu nhân vật Thúy Kiều nói chung – đoạn đời ở lầu xanh Tú Bà nói riêng – cho thấy tài năng sáng tạo nghệ thuật bậc thầy của đại thi hào Nguyễn Du trong việc khắc họa những cung bậc đời sống tính dục phong phú đặt trong mối liên hệ hoàn cảnh hiện thực, sự chiêm nghiệm, trải nghiệm và thử thách khốc liệt của bản năng, tình cảm, tâm lý và các giá trị nhân văn. Qua thực tế hành động và khả năng tự ý thức về hành vi tính dục càng cho thấy nhân cách, bản lĩnh, chiều sâu văn hóa cũng như thế giới tinh thần phong phú của nhân vật Thúy Kiều.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đào, D. A. (1989). *Từ điển Truyện Kiều*. NXB Khoa học xã hội.
- Hồ, Đ. D. (2013). *Nghiên cứu dấu ấn tình dục trong cuộc đời Thúy Kiều*. <https://www.nguoiduatin.vn/nghien-cuu-dau-an-tinh-duc-trong-cuoc-doi-thuy-kieu-2-a77289.html>
- Mác, C., & Ăng-ghe-n, P. (1993). *C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n Toàn tập* (Tập 13). NXB Chính trị Quốc gia.
- Naudóp, M. Ar. (1978). *Tâm lý sáng tạo văn học* (H. Lam, & H. Ly, Dịch). NXB Văn Học.
- Nguyễn, B. K. (1942). *Nguyễn Du và Truyện Kiều* (Văn mới, số đặc biệt văn chương). NXB Hàn Thuyên.
- Nguyễn, D. (2015). *Truyện Kiều* (Hội Kiều học Việt Nam). NXB Trẻ.
- Nguyễn, D. (2018). *Truyện Kiều - Đoạn trường tân thanh* (M. Q. Liên, khảo chú). NXB Văn học.
- Nguyễn, H. S. (1990). Tiếp nhận *Truyện Kiều* của Nguyễn Du trong sự so sánh với *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân. *Văn nghệ*, (44), 10.

- Nguyễn, H. S. (2015). So sánh Truyện Kiều với Kim Vân Kiều truyện từ sự chuyển đổi loại hình và thể loại. In trong H. S. Nguyễn, *Truyện Kiều - So sánh và luận bình* (tr. 580-609). NXB Văn Học.
- Phan, Q. (2008). *Trao đổi về một câu thơ của Truyện Kiều*. <http://cand.com.vn/van-hoa/Trao-doi-ve-mot-cau-tho-cua-Truyen-Kieu-132584/>